

QUYẾT ĐỊNH
Đặt tên đường trên địa bàn thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh khoá XIII, kỳ họp thứ 11 đặt tên đường trên địa bàn thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đặt tên đường trên địa bàn thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát gồm 37 tuyến đường (Có Danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao và các ngành liên quan tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2023.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Xây dựng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

DANH SÁCH
Tên đường trên địa bàn thị trấn Cát Tiên, huyện Phù Cát
(Kèm theo Quyết định số: /2023/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

S T T	Tuyến đường quy hoạch	Lý trình	Lộ giới (m)		Chiều dài (m)	Tên đường
			Quy hoạch	Hiện trạng		
1	Đường nội thị	Từ xã Cát Hải đến điểm nối đường trục Khu Kinh tế	30	30	1100	Hoàng Sa (Địa danh)
2	Đường ĐT.640	Từ Ngã ba HTX nông nghiệp thị trấn Cát Tiên đến giáp xã Cát Chánh	30	9	1000	Nguyễn Diêu (1822 - 1860) Tuy Phước, Bình Định
3	Tuyến đường ĐT.639	Từ ranh giới Khu tâm linh chùa Linh Phong đến Ngã 3 Phương Phi (Cây xăng)	22,5	10	820	Lý Thường Kiệt (1019 - 1105) Hà Nội
4	Đường số 1	Từ đường trục Khu Kinh tế đến đường ĐT 639	16	16	500	Tổ Hữu (1920 - 2002) Thừa Thiên Huế
5	Đường số 2	Từ đường bê tông Phương Phi đến Quốc lộ 19B	16	16	450	Phan Đình Giót (1922 - 1954) Hà Tĩnh
6	Đường số 3	Từ giáp nhà ông Trần Đình Trục đến đường A1 (Đô Đốc Bảo)	14	14	780	Lý Nhân Tông (1065 - 1127) Bắc Ninh
7	Đường số 4	Từ đường số 3 (Lý Nhân Tông) đến đường số 1 (Tổ Hữu)	14	14	150	Hoàng Diệu (1828 - 1882) Quảng Nam
8	Đường số 5	Từ đường số 3 (Lý Nhân Tông) đến đường số 1 (Tổ Hữu), tiếp giáp đường ĐT 639	12,5	12,5	185	Hồng Lĩnh (Địa danh)
9	Đường số 6	Từ đường Hoàng Sa đến đường số 2 (Phan Đình Giót)	12	12	170	Tô Ngọc Vân (1908 - 1954) Hưng Yên
10	Đường số 7	Từ đường số 9 (Nguyễn Trãi) đến giáp đường số 1 (Tổ Hữu)	12	12	180	Nguyễn Mân (1899 - 1968) An Nhơn, Bình Định

S T T	Tuyến đường quy hoạch	Lý trình	Lộ giới (m)		Chiều dài (m)	Tên đường
			Quy hoạch	Hiện trạng		
11	Đường số 8	Từ đường số 9 (Nguyễn Trãi) đến giáp đường số 1 (Tổ Hữu)	12	12	180	Lê Trọng Tấn (1914 - 1986) Hà Nội
12	Đường số 9	Từ đường Hoàng Sa đến đường số 3 (Lý Nhân Tông)	16	16	215	Nguyễn Trãi (1380 - 1442) Hà Nội
13	Đường số 10	Từ giáp đường Hoàng Sa đến đường số 2 (Phan Đình Giót)	12	12	175	Nguyễn Trân (1904 - 1933) Hoài Nhơn, Bình Định
14	Đường bê tông	Từ đường ĐT639 (Lý Thường Kiệt) đến đường Hoàng Sa và nối tiếp về phía đông	7	7	200	Lưu Hữu Phước (1921 - 1989) Cần Thơ
15	Đường A1	Từ đường A16 (Nguyễn Bá Huân) đến đường số 3 (Lý Nhân Tông)	24	24	640	Đô Đốc Bảo (Thế kỷ XVIII)
16	Đường A2	Từ đường A8 (Bế Văn Đàn) đến đường A1 (Đô Đốc Bảo)	14	14	450	Võ Văn Tấn (1894 - 1941) Long An
17	Đường A3	Từ đường A6 (Võ Mười) đến đường A1 (Đô Đốc Bảo)	14	14	295	Huỳnh Đăng Thơ (1889 - 1982) An Nhơn, Bình Định
18	Đường A5	Từ đường Nguyễn Thái Học đến đường số 3 (Lý Nhân Tông)	14	14	780	Võ Văn Dũng (Thế kỷ XVIII) Tây Sơn, Bình Định
19	Đường A6	Từ đường A5 (Hong Lĩnh) đến đường số 3 (Lý Nhân Tông)	20	20	660	Võ Mười (1928 - 1968) Hoài Nhơn, Bình Định
20	Đường A7	Từ đường A2 (Võ Văn Tấn) đến đường số 3 (Lý Nhân Tông)	14	14	150	Võ Liệu Hoài Nhơn, Bình Định
21	Đường A8	Từ đường Hoàng Sa đến đường số 3 (Lý Nhân Tông)	14	14	220	Bế Văn Đàn (1931 - 1954) Cao Bằng
22	Quốc lộ 19B	Từ ngã ba Đông Dương đến giáp ranh xã Cát Chánh	22,5	10	1200	Nguyễn Thái Học (1901 - 1930) Vĩnh Phúc
23	Đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội	Từ Nút T24 đến giáp ranh xã Cát Chánh	20,5	20,5	1200	Trương Sa (Địa danh)

S T T	Tuyến đường quy hoạch	Lý trình	Lộ giới (m)		Chiều dài (m)	Tên đường
			Quy hoạch	Hiện trạng		
24	Đường bê tông	Từ đường bê tông Trung Lương đến giáp nhà ông Trần Bảy	16	16	1250	Lý Thái Tông (1000 - 1054) Bắc Ninh
25	Đường A9	Từ đường A6 (Võ Mười) đến đường A1 (Đô Đốc Bảo)	25	25	300	Tôn Thất Bách (1946 - 2004) Thừa Thiên Huế
26	Đường A10	Từ đường A16 (Nguyễn Bá Huân) đến đường A12 (Phạm Ngọc Thạch)	10	10	270	Nguyễn Trác (1904 - 1986) Điện Bàn, Quảng Nam
27	Đường A11	Từ đường A6 (Võ Mười) đến đường A1 (Đô Đốc Bảo)	10	10	300	Tạ Quang Bửu (1910 - 1986) Nam Đàn, Nghệ An
28	Đường A12	Từ đường A6 (Võ Mười) đến đường A1 (Đô Đốc Bảo)	10	10	300	Phạm Ngọc Thạch (1909 - 1968) Quảng Nam
29	Đường A13	Từ đường A6 (Võ Mười) đến đường A5 (Võ Văn Dũng)	10	10	150	Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803) Thanh Oai, Hà Nội
30	Đường A14	Từ đường A6 (Võ Mười) đến đường A10 (Nguyễn Trác)	10	10	220	Cù Huy Cận (1919 - 2005) Hương Sơn, Hà Tĩnh
31	Đường A15	Từ đường A6 (Võ Mười) đến đường A5 (Võ Văn Dũng)	10	10	150	Chế Lan Viên (1920 - 1989) Cam Lộ, Quảng Trị
32	Đường A16	Từ đường A15 (Chế Lan Viên) đến giáp đường A1 (Đô Đốc Bảo)	10	10	275	Nguyễn Bá Huân (1853 - 1915) An Nhơn, Bình Định
33	Quốc lộ 19B	Từ Trạm biên phòng Cát Tiến - Cây xăng Cát Tiến	22,5	10	1200	Nguyễn Nhạc (1743 - 1793) Tây Sơn, Bình Định
34	Quốc lộ 19B	Từ Cây xăng Cát Tiến - Hợp tác xã Cát Tiến	22,5	10	1000	Nguyễn Lữ (1754 - 1788) Tây Sơn, Bình Định
35	Quốc lộ 19B	Từ Hợp tác xã Cát Tiến đến xã Cát Hưng	22,5	10	7000	Trần Quang Diệu (Thế kỷ XVIII) Bình Định
36	Đường bê tông Chánh Đạt	Từ Quốc lộ 19B đến đê Sông Côn	24	6	1350	Nguyễn Hữu Cảnh (1650 - 1700) Thanh Hoá

S T T	Tuyến đường quy hoạch	Lý trình	Lộ giới (m)		Chiều dài (m)	Tên đường
			Quy hoạch	Hiện trạng		
37	Đường bê tông Đê sông Kôn	Từ khẩu Bờ Mỹ đến giáp ranh xã Cát Chánh	5	5	2550	Diên Hồng (Địa danh)

Tổng cộng: 37 tuyến đường./.
